

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T1
TỈNH T2**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST
Ngày 06/02/2024
(V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa
chị Th – anh Đ)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T1, TỈNH T2**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Mã Siêu.
- Ông Vũ Văn Quảng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T1 tham gia phiên tòa:

Bà Trần Quỳnh Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 162/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- NgU đơn: Chị Đậu Thị Th, sinh năm 1990 (chị Th vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT: Thôn LTh, xã ĐQ, huyện T1, tỉnh T2.

Chỗ ở: Tổ x, khu Tr, phường HB, thành phố HL, tỉnh Q.

- Bị đơn: Anh Vũ Văn Đ, sinh năm 1980 (anh Đ vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn LTh, xã ĐQ, huyện T1, tỉnh T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình hòa giải, ngU đơn là chị Đậu Thị Th trình bày:

Chị và anh Vũ Văn Đ, sinh năm 1980, có địa chỉ tại thôn TTh, xã ĐQ, huyện T1, tỉnh T2 tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐQ, huyện T1, tỉnh T2 vào ngày 03/6/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. NgU nhận mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hiểu thông cảm cho nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2012 đến nay không ai còn quan

tâm đến ai nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Văn Đ.

Về con chung, chị và anh Đ có 01 con chung là Vũ Mai Phương U, sinh ngày 09/8/2011. Hiện con chung đang ở cùng chị, ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi cho anh Vũ Văn Đ thông báo thụ lý, thông báo đến phiên công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên anh Đ không đến Tòa án.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 26 tháng 12 năm 2023 tại thôn LTh, xã ĐQ, huyện T1, tỉnh T2, anh Vũ Văn Đ trình bày:

Anh và chị Đậu Thị Th tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐQ, huyện T1, tỉnh T2 vào ngày 03/6/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Th tự ý bỏ đi, vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Nay chị Th xin ly hôn, quan điểm của anh là đồng ý ly hôn. Anh và chị Th có 01 con chung là Vũ Mai Phương U, sinh ngày 09/8/2011. Hiện con chung đang ở cùng mẹ. Nếu ly hôn, anh đồng ý để chị Th nuôi con chung và không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con chung. Anh và chị Th không có tài sản chung và nợ chung. Anh có biết việc chị Th làm đơn xin ly hôn, anh đã nhận được văn bản tố tụng của Tòa án nhưng do anh bận nên không đến Tòa án để làm việc.

Tại biên bản xác minh ngày 26 tháng 12 năm 2023 tại Trụ sở UBND xã ĐQ, huyện T1, ông Nguyễn Viết T, Phó Chủ tịch UBND xã và ông Phạm Ngọc B, Cán bộ tư pháp xã cung cấp:

Chị Đậu Thị Th và anh Vũ Văn Đ tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐQ, huyện T1, tỉnh T2 vào ngày 03/6/2009. Quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm được. Nay chị Th có đơn xin ly hôn anh Đ, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về quan hệ con chung, quá trình chung sống chị Th và anh Đ có 01 con chung là Vũ Mai Phương U, sinh ngày 09/8/2011. Nếu anh, chị ly hôn, quan điểm của địa phương về nuôi con chung đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung, quá trình chung sống chị Th và anh Đ có tài sản chung, nợ chung hay không địa phương không nắm được.

Tại phiên công khai chứng cứ, hòa giải ngày 29/12/2023, chị Th có mặt, anh Đ vắng mặt không có lý do. Ngày 23/01/2024, Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án, chị Th có mặt, anh Đ không đến phiên tòa, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, phiên tòa được mở lại vào ngày 06/02/2024.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Đ vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Th có đơn xét xử vắng mặt, chị vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh Đ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T2 phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; ngU đơn đã thực hiện đầy đủ, bị đơn chưa thực hiện

đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận việc thuận tình ly hôn của chị Đậu Thị Th và anh Vũ Văn Đ. Về con chung, giao cho chị Th được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Vũ Mai Phương U, sinh ngày 09/8/2011, chị Th không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung; anh Đ có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung, không đặt ra giải quyết. Về án phí chị Th phải chịu án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả giải quyết tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Đậu Thị Th vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Vũ Văn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Th, anh Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Chị Đậu Thị Th và anh Vũ Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ yêu cầu giải quyết ly hôn của chị Th cung cấp phù hợp với các tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án nên xác định: Sau khi đăng ký kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. NgU nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2012 đến nay không ai còn quan tâm đến ai nữa.

[2.2] Chị Th có đơn xin ly hôn, Tòa án đã ra thông báo thụ lý, thông báo đến tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, anh Đ có biết nhưng không đến Tòa án. Tòa án đã tổ chức hòa giải, anh Đ vắng mặt, tuy nhiên anh Đ có lời khai đồng ý ly hôn. Tại các phiên tòa, anh Đ đều vắng mặt; chị Th kiên quyết xin ly hôn, bản thân anh Đ và chị Th đã sống ly thân từ năm 2012. Như vậy, có thể thấy tình cảm vợ chồng của chị Th và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị Đậu Thị Th được ly hôn anh Vũ Văn Đ.

[3] Về con chung: Chị Th và anh Đ có 01 con chung là Vũ Mai Phương U, sinh ngày 09/8/2011. Hiện con chung đang ở cùng mẹ. Chị Th có nguyện vọng được nuôi con chung, mặt khác cháu Phương U có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét cần giao cho chị Th được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Vũ Mai Phương U, sinh ngày 09/8/2011. Chị Th không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị; anh Đ có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, vấn đề thay đổi nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung được đặt ra giải quyết khi các bên đương sự có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Đậu Thị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận sự thuận tình ly hôn của chị Đậu Thị Th và anh Vũ Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cho chị Đậu Thị Th được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Mai Phương U, sinh ngày 09/8/2011. Chị Th không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Anh Đ có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, vấn đề thay đổi nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung được đặt ra giải quyết khi các bên đương sự có yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn là chị Đậu Thị Th tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Th đã nộp theo Biên lai số 0002459 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T1, tỉnh T2, chị Th đã nộp đủ.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện T1;
- Chi cục THADS huyện T1;
- UBND xã ĐQ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đồng Ngọc Huyền